

Số: 06/2021/QĐST-DSTC

TG, ngày 21 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự Th2ả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DSTC ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các Th2ả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung Th2ả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự Th2ả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Th2ả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lại Thị H, sinh năm 1982 và ông Vũ Văn T (Vũ Đức T), sinh năm 1971; Cùng trú tại: Khối ST, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1938 và ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1940. Cùng trú tại: Khối ĐK, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo pháp luật cho ông Đỗ Mạnh H: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1938. Trú tại: Khối ĐK, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn V, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1966; Cùng trú tại: Khối 20/7, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Phạm Văn Ph (Phạm Thê Ph), sinh năm 1946 và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1956 (vợ ông Ph); Cùng trú tại: Thôn TĐ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Đỗ Tiến Th, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thu Th1, sinh năm 1976; Cùng trú tại: Khối ĐK, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên;

2. Sự Th2ả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Tại diện tích đất đang tranh chấp ở Khối 20/7, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên các đương sự thống

nhất theo biên bản xem xét tại chỗ và sơ đồ trích đo ngày 16/4/2021 phần diện tích đất bà Bùi Thị L, ông Đỗ Mạnh H, bà Lại Thị H, ông Vũ Văn T đang tranh chấp, cộng với phần diện tích vợ chồng ông Đỗ Tiến Th đang quản lý có tổng diện tích là: $1,052,1\text{m}^2$ (Trong đó: $525,2\text{m}^2 + 253,8\text{m}^2 + 179,5\text{m}^2 + 84,0\text{m}^2 + 6,2\text{m}^2 + 3,4\text{m}^2$ là phần đất là của vợ chồng ông Th đang quản lý đã có giấy CNQSDĐ). Vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Tây giáp đường bê tông là: 24,79 m.
- Phía Bắc giáp đất bà Trần Thị Th2 là: 51,3 m.
- Phía Đông giáp giao Th hào và một phần giáp đất của ông Th, bà Nguyễn Thị H2 là: 16,65 m.
- Phía Nam giáp đất ông Đỗ Hồng Th3, ông Đỗ Trung K, ông Đỗ Tiến Th, bà Nguyễn Thị H2, bà Huỳnh Thị H3 là: 49,07 m

2.1. Bà Lại Thị H và ông Vũ Văn T được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất $782,4\text{m}^2$ (Trong đó $525,2\text{m}^2 + 253,8\text{m}^2 + 3,4\text{m}^2$ phần đất của gia đình ông Đỗ Tiến Th). Vị trí tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp đường bê tông là: 20 m.
- Phía Bắc giáp đất bà Trần Thị Th2 là: 40 m.
- Phía Đông giáp đất bà L, ông H, ông Th và bà H2 là: 20 m.
- Phía Nam giáp đất bà L, ông Th là: 40m.

2.2. Bà Bùi Thị L và ông Đỗ Mạnh H được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất là $269,7\text{m}^2$ (Trong đó: $179,5\text{m}^2 + 84,0\text{m}^2 + 6,2\text{m}^2$). Có tứ cận tiếp giáp như sau:

* Mảnh thứ nhất: $84,0\text{m}^2 + 6,2\text{m}^2 = 90,2\text{m}^2$:

- Phía Tây giáp đường bê tông là: 4,75 m
- Phía Bắc giáp đất bà Hương, ông T là: 33,75m
- Phía Nam giáp đất ông Đỗ Hồng Th3, ông Đỗ Trung K là: 33,9m.

*Mảnh thứ hai: $179,5\text{m}^2$:

- Phía Bắc giáp đất gia đình bà Trần Thị Th2 là: 11,3m
- Phía Đông giáp giao Th hào là: 15,55 m.
- Phía Nam giáp đất ông Đỗ Tiến Th, bà Nguyễn Thị H2, bà Huỳnh Thị H3 là: 8,92 m.
- Phía Tây giáp đất gia đình bà Lại Thị H, ông Vũ Văn T là: 18,89 m.

2.3. Ông Đỗ Tiến Th và bà Nguyễn Thị Thu Th1 có trách nhiệm giao phần đất có diện tích $3,4\text{m}^2$ (Trong đó: chiều dài phía Nam là 6,25m, chiều dài phía Đông là 1,10m, chiều dài phía Bắc là 9,56m) cho bà Lại Thị H và ông Vũ Văn T và phối hợp

làm các thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo quy định của luật đất đai.

2.4. Ông Phạm Văn Ph (Phạm Thế Ph), bà Trần Thị Nh, Ông Phan Văn V và bà Phạm Thị Ng có nghĩa vụ phối hợp cùng nguyên đơn, bị đơn để làm các thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật đất đai.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Bà Lại Thị H, ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị L, ông Đỗ Mạnh H mỗi người phải chịu 37,500đ). Nhưng bà H, ông T tự nguyện chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của bà L và ông H. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H, ông T phải chịu là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/05681, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên. Bà Lại Thị H, ông Vũ Văn T đã nộp đủ án phí và trả lại cho bà Lại Thị H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.2. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn T và bà Lại Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét tại chỗ là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền trên ông T, bà H đã nộp đủ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Vũ Đình Hiếu

